Đây là điều lệ tham khảo đối với loại hình công ty TNHH một thành viên chủ sở hữu là cá nhân. Khi tham khảo Điều lệ này, doanh nghiệp nghiệp lưu ý các nội dung sau:

* Đặc biệt các nội dung màu đỏ là các nội dung doanh nghiệp cần lưu ý để (i): điền thông tin còn thiếu; (ii) điều chỉnh nội dung cho phù hợp
* Bản điều lệ áp dụng trong mô hình công ty chưa thành lập Ban kiểm soát/kiểm soát viên
* Lưu ý số trang ở mục lục. Doanh nghiệp có thể sử dụng chức năng “Update field”

Chủ sở hữu công ty phải ký nháy từng trang vào điều lệ để đảm bảo tính trọn vẹn thông tin khi nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

**Mục lục**

[Chương I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG 1](#_Toc426015007)

[Điều 1. Phạm vi trách nhiệm 1](#_Toc426015008)

[Điều 2. Tên Công ty 1](#_Toc426015009)

[Điều 3. Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện 1](#_Toc426015010)

[Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh 2](#_Toc426015011)

[Điều 5. Thời hạn hoạt động 2](#_Toc426015012)

[Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của công ty 3](#_Toc426015013)

[Điều 7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty 3](#_Toc426015014)

[Điều 8. Con dấu của công ty 4](#_Toc426015015)

[Chương II: VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY 4](#_Toc426015016)

[Điều 9. Vốn điều lệ 4](#_Toc426015017)

[Điều 10. Tăng, giảm vốn điều lệ 5](#_Toc426015018)

[Điều 11. Quyền của chủ sở hữu công ty 5](#_Toc426015019)

[Điều 12. Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty 6](#_Toc426015020)

[Điều 13. Thực hiện quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt 6](#_Toc426015021)

[Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY 7](#_Toc426015022)

[Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu 7](#_Toc426015023)

[Điều 15. Chủ tịch công ty 7](#_Toc426015024)

[Điều 16. Giám đốc 8](#_Toc426015025)

[Điều 17. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc 9](#_Toc426015026)

[Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty 9](#_Toc426015027)

[Chương IV: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 9](#_Toc426015028)

[Điều 19. Năm tài chính 9](#_Toc426015029)

[Điều 20. Sổ sách kế toán - báo cáo tài chính 10](#_Toc426015030)

[Điều 21. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lập quỹ. 10](#_Toc426015031)

[Điều 22. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ 10](#_Toc426015032)

[Chương V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ 11](#_Toc426015033)

[Điều 23. Thành lập 11](#_Toc426015034)

[Điều 24. Tổ chức lại công ty 11](#_Toc426015035)

[Điều 25. Giải thể công ty 11](#_Toc426015036)

[Điều 26. Hiệu lực của Điều lệ 13](#_Toc426015037)

[Điều 27. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ 13](#_Toc426015038)

[Điều 28. Điều khoản cuối cùng 13](#_Toc426015039)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN …………………........**

Ông/ Bà: …………………………………………… Giới tính: ………......

Sinh ngày ..... tháng …. năm … ; Dân tộc:……….; Quốc tịch: ……….....

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:... Ngày cấp .../.../... Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: …………………………………………

Chỗ ở hiện tại: …………………………………

Nay quyết định thành lập CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN .... (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động tuân theo Luật Doanh nghiệp 2014 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các điều khoản sau đây của Bản điều lệ này.

# Chương I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

## Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

## Điều 2. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng Tiếng Việt: Công ty TNHH ...........................……

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: …….……………………........

- Tên Công ty viết tắt: ……………………………………………………

## Điều 3. Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số nhà ……….., đường (xóm, ấp): ……........ phường (xã, thị trấn) ..........., huyện, thị xã, thành phố: ……….. tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại: ………………. Fax: .................

E-mail: ………………… ………… Website:

Công ty có thể thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đặt văn phòng đại diện hoặc chi nhánh ở trong nước và nước ngoài theo quyết định của chủ sở hữu và phù hợp với quy định của pháp luật.

## Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Stt* | *Tên ngành* | *Mã ngành* |
| *1* | *Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép* | *4641 (chính)* |
| *2* | *Bán lẻ vải, len,  sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh* | *4751* |
| *3* | *Bán buôn thực phẩm**Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột* | *4632* |
| *4* | *Bán buôn đồ uống* | *4633* |
| *5* | *Lắp đặt hệ thống điện**Chi tiết: Lắp đặt điện trong nhà* | *4321* |
| *6* | *Lắt đặt hệ thống bơm, ống nước, điều hoà không khí* | *4322* |

Công ty có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật Nhà nước quy định.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh, trừ các ngành, nghề cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Chủ sở hữu ra quyết định thay đổi ngành, nghề kinh doanh và phải thông báo cơ quan đăng ký kinh doanh để bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

(Doanh nghiệp tham chiếu Danh mục ngành nghề kinh doanh và ghi theo ngành nghề kinh doanh cấp 4, mã ngành cấp 4 (4 ký tự số) theo quy định tại Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam; 06 ngành nghê kinh doanh nêu trên chỉ là ví dụ minh họa cách ghi ngành nghề và mã ngành kinh doanh cấp 4 theo quy định)

## Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là vĩnh viễn, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp giải thể.

Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

## Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có .... người đại diện theo pháp luật.

2.1. Ông/bà...........................Giới tính...........................................................

+ Ngày sinh:..........................Quốc tịch........................................................

+ Số CMND/Hộ chiếu...................................................................................

+ Hộ khẩu thường trú....................................................................................

+ Chỗ ở hiện tại:............................................................................................

+ Chức danh quản lý:....................................................................................

+ Quyền và nghĩa vụ:....................................................................................

2.2..................................................................................................................

3. Người đại diện pháp luật của công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Người đại diện pháp luật của công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền (ghi câu này trong trường hợp doanh nghiệp chỉ có 01 người đại diện pháp luật).

Doanh nghiệp cam kết luôn có 01 người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (ghi câu này trong trường hợp doanh nghiệp có từ 02 người đại diện pháp luật).

## Điều 7. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các công ty khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

## Điều 8. Con dấu của công ty

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu là tài sản của công ty. Công ty có 01 con dấu (công ty có quyền có từ 02 con dấu trở lên)

2. Nội dung con dấu công ty đảm bảo theo quy định pháp luật gồm nội dung tối thiểu như sau:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Mã số doanh nghiệp.

3. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại Tòa án

4. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải có khuôn dấu của Công ty đóng trên các chữ ký của người có thẩm quyền trong công ty được quyền ký văn bản phát hành, bao gồm: Chủ sở hữu công ty, Giám đốc và phó Giám đốc Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty được sử dụng con dấu khi có ủy quyền của Chủ sở hữu công ty và Giám đốc (lưu ý chức danh của người đại diện pháp luật công ty tại Điều 6 Điều lệ này)

5. Hiệu lực con dấu: Có hiệu lực sau 03 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận được thông báo mẫu con dấu hợp lệ của Công ty. Con dấu của công ty được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

# Chương II: VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

## Điều 9. Vốn điều lệ

1. Toàn bộ vốn điều lệ của công ty là do chủ sở hữu công ty đóng góp.

2. Vốn điều lệ của công ty là :……………….

 bao gồm:

 - Tiền Việt Nam:………………………... (Bằng chữ:..............................).

 - Ngoại tệ tự do chuyển đổi: …………... (Bằng chữ:............................).

 - Tài sản khác: (loại tài sản, số lượng và giá trị của mỗi loại).

 - Thời điểm dự kiến hoàn thành việc chuyển giao vốn: 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Chủ sở hữu Công ty cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá của tất cả các phần vốn góp bằng tài sản trên *(nếu có góp vốn bằng tài sản – nếu không có góp vốn bằng tải sản thì bỏ khoản 4 này)*.

3. Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn 90 ngày quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trong trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước khi công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

4. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty và thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ và không góp đúng hạn vốn điều lệ.

## Điều 10. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty giảm vốn điều lệ khi:

- Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;

- Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn như cam kết khi thành lập doanh nghiệp và việc thực hiện giảm vốn điều lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;

2. Công ty tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác.

Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày các thành viên mới cam kết góp vốn vào công ty.

## Điều 11. Quyền của chủ sở hữu công ty

 Chủ sở hữu công ty là cá nhân có các quyền sau đây:

a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

đ) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

g) Quyền khác .................................... (bỏ câu này nếu không ghi cụ thể)

## Điều 12. Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty

1. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty.

3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

7. Thực hiện nghĩa vụ khác .................................................................... (bỏ câu này nếu không ghi cụ thể)

## Điều 13. Thực hiện quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.

2. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật, thành viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

3. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu hoặc thành viên của công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế.

Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.

#

# Chương III: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

## Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc

2. Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc

3. Quyền, nghĩa vụ của Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc ký với Chủ tịch công ty.

## Điều 15. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

## Điều 16. Giám đốc

1. Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ tịch công ty;

i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Tuyển dụng lao động;

l) Quyền và nghĩa vụ khác ............................................(bỏ câu này nếu không ghi cụ thể)

3. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của công ty

## Điều 17. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Giám đốc

 1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

5. Quyền và nghĩa vụ khác .......................................... (bỏ câu này nếu không ghi cụ thể)

## Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Người quản lý công ty được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

# Chương IV: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

## Điều 19. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

## Điều 20. Sổ sách kế toán - báo cáo tài chính

1. Sổ sách kế toán của Công ty đều mở đầy đủ và giữ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

2. Cuối mỗi năm tài chính, Công ty sẽ lập bản báo cáo tài chính để trình cho chủ sở hữu xem xét.

3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ được gởi đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thống kê có thẩm quyền.

## Điều 21. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lập quỹ.

1. Lợi nhuận chung của công ty là khoản chênh lệch giữa tổng thu nhập đạt được trừ đi tổng chi phí.

Lợi nhuận ròng của công ty là khoản lợi nhuận còn lại sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Lợi nhuận ròng được xác định vào cuối niên khóa tài chính thuộc quyền sở hữu của chủ sở hữu công ty và được chủ sở hữu quyết định phân chia lập các quỹ như sau:

- Lập quỹ dự trữ bắt buộc, với mức trích từ 5% đến 10% lãi ròng;

- Lập quỹ tái đầu tư phát triển, mức trích từ 10 đến 15% lãi ròng;

- Quỹ khen thưởng, mức trích từ 5 đến 10% lãi ròng.

## Điều 22. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, chủ sở hữu có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau :

a. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;

b. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời đưa ra biện pháp để khắc phục.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn kông khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì chủ sở hữu, giám đốc công ty sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Phá sản hiện hành.

# Chương V: THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

## Điều 23. Thành lập

1. Công ty được thành lập sau khi Bản điều lệ này được Chủ sở hữu công ty chấp thuận và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập Công ty đều được ghi vào mục chi phí của Công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

## Điều 24. Tổ chức lại công ty

Công ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo quy định tại Điều 192, 193, 194, 195, 196 của Luật Doanh nghiệp 2014

## Điều 25. Giải thể công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây:

 a) Theo quyết định của Chủ sở hữu;

 b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Công ty thực hiện việc giải thể như sau:

a) Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây: i) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; ii) Lý do giải thể; iii) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; iv) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; v) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

b) Tổ chức thanh lý tài sản công ty;

c) Gửi quyết định giải thể và biên bản họp về việc giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d) Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây: i) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; ii) Nợ thuế; iii) Các khoản nợ khác.

đ) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc chủ sở hữu công ty.

e) Công ty phải chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (nếu có) tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở trước khi nộp hồ sơ giải thể công ty.

g) Người đại diện theo pháp luật của công ty gửi Hố sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

3. Trường hợp công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp 2014.

4. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về giải thể công ty;

b) Báo cáo thanh lý tài sản công ty; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);

c) Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);

d) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể công ty đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

**Chương VI**: **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## Điều 26. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

## Điều 27. Thể thức sửa đổi bổ sung các điều khoản của Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay.

3. Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải có họ tên, chữ ký của chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật.

## Điều 28. Điều khoản cuối cùng

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Trong trường hợp điều lệ này có điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến việc thi hành trái pháp luật, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được Chủ sở hữu công ty xem xét sửa đổi.

3. Khi muốn sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ này, chủ sở hữu công ty sẽ quyết định.

Bản điều lệ này đã được chủ sở hữu công ty xem xét từng chương, từng điều và ký tên.

Bản điều lệ này gồm 06 chương 28 điều, được lập thành …………bản có giá trị như nhau: 01 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, ……..bản lưu trữ tại trụ sở công ty.

 Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của chủ sở hữu công ty.

  *Thừa Thiên Huế, ngày ........ tháng …….. năm ……*

 **CHỮ KÝ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY**

 *(Ký và ghi rõ họ tên)*